1. BẢNG MÔ TẢ

Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
CĐ 1 Mở đầu môn KHTN	- Nêu được các bước trong quy trình NCKH - Kể tên được một số dụng cụ, máy móc thường dùng trong PTN - Nêu được một số dụng cụ đo độ dài, đo thể tích, khối lượng - Nêu được các quy tắc an toàn cơ bản khi tiến hành các thí nghiệm		- Xác định được các bộ phận cấu tạo của kính lúp, kính hiển vi quang học. - Xác định được các dụng cụ dễ vỡ, dễ cháy nổ, hoá chất độc hại		- Xác định được ĐCNN và GHĐ trên dụng cụ.			
CĐ 2 Các phép đo và kĩ năng TN	- Nêu được một số đơn vị đo của một số đại lượng: Độ dài, thể tích, khối lượng		- Đo được dộ dài trong một số tình huống thông thườn - Đổi đại lượng đơn giản		- Đo được thể tích một luợng chất lỏng, thể tích vật rắn không thấm nước bằng bình chia độ, bình tràn, đo được khối lượng bằng cân.		- Xác định đựơc khối lượng riêng của vật - Đổi đại lượng phức tạp	
CĐ 3 Trạng thái của vật chất	- Nêu được các trạng thái tồn tại của nước - Trình bày được một số tính chất của chất - Nêu được tất cả các chất đều được tạo nên từ các phân tử, nguyên tử - Trình bày đước thế nào là đơn chất, hợp chất		- Chỉ ra được chất có ở đâu. - Phân biệt được chất nguyên chất và hỗn hợp - Viết được KHHH, CTPT của một số loại nguyên tử, chất đơn giản		- Tách chất ra khỏi hỗn hợp - Phân biệt được đơn chất, hợp chất - Vận dụng được cách sử dụng tiết kiệm, hiệu quả một số chất tiêu biểu trong cuộc sống.		Phân biệt được vật thể và chất trong một số trường hợp cụ thể thực tế	
CĐ 4 Tế bào	- Nêu được tế bào là gì - Nêu được khái niệm mô, cơ quan		- Phân biệt được TBTV, TBĐV - Lấy được VD một số loại TBĐV, TV - Trình bày được tế bào lớn lên nhờ đâu - Trình bày được quá trình phân chia TB - So sánh được cấu tạo TB nhân sơ và nhân thực		Lấy được VD một số loại tế bào trong cơ thể người - Giải thích được cơ chế giúp sinh vật lớn lên nhờ phân chia TB		- Vẽ và chú thích được sơ đồ cấu tạo cơ bản của tế bào	

2. BẢNG TRỌNG SỐ
(Hệ số trình độ h = 0,8)

STT	Chủ đề (ND)	Tổng số tiết	Số tiết lí thuyết	Chỉ số		Trọng số		Số câu		Điểm số	
				LT	VD	LT	VD	LT	VD	LT	VD
1	Mở đầu môn KHTN	6	4	4. 0,8=3,2	2,8	(3,2. 100): 29= 11,03	(2,8. 100): 29= 9,7	2	2	1	1
2	Các phép đo và kĩ năng TN	8	5	5. 0,8 = 4,0	4	(4.100):29 =13,8	(4.100):29 =13,8	3	2	1,5	1

3	Trạng thái của vật chất	**8**	**5**	**5. 0,8=4,0**	**4**	**(4.100):29 =13,8**	**(4.100):29 =13,8**	**3**	**3**	**1,5**	**1,5**
4	Tế bào	**7**	**5**	**5. 0,8=4,0**	**3**	**(4.100):29 =13,8**	**(3.100):29 =10,3**	**3**	**2**	**1,5**	**1**
Tổng		**29**	**19**	**15,2**	**13,8**	**52,7**	**47,6**	**11**	**9**	**5,5**	**4,5**

3. MA TRẬN CHI TIẾT

Nội dung	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
CĐ 1 Mở đầu môn KHTN	- Nêu được các bước trong quy trình NCKH		- Xác định được các dụng cụ dễ vỡ, dễ cháy nổ, hoá chất độc hại		- Xác định được ĐCNN và GHĐ trên dụng cụ.			
Số câu 4 Số điểm 2	1 0,5		1 0,5		2 1			
CĐ 2 Các phép đo và kĩ năng TN	- Nêu được một số đơn vị đo của một số đại lượng: Độ dài, thể tích, khối lượng		- Đo được dộ dài trong một số tình huống thông thường - Đổi đại lượng đơn giản				- Biết cách xác định khối lượng riêng của vật - Đổi đại lượng phức tạp	
Số câu 4 Số điểm 2,5	1 0,5		2 1					1 1
CĐ 3 Trạng thái của vật chất	- Nêu được các trạng thái tồn tại của nước		- Chỉ ra được chất có ở đâu. - Viết được KHHH, CTPT của một số loại nguyên tử, chất đơn giản		- Tách chất ra khỏi hỗn hợp - Phân biệt được đơn chất, hợp chất		Phân biệt được vật thể và chất trong một số trường hợp cụ thể thực tế	
Số câu 4 Số điểm 3	1 0,5		1 0,5		1 0,5			1 1,5
CĐ 4 Tế bào	- Nêu được khái niệm mô, cơ quan		- Phân biệt được TBTV, TBĐV - Lấy được VD một số loại TBĐV, TV - Trình bày được tế bào lớn lên nhờ đâu - Trình bày được quá trình phân chia TB - So sánh được cấu tạo TB nhân sơ và nhân thực		Lấy được VD một số loại tế bào trong cơ thể người		- Vẽ và chú thích được sơ đồ cấu tạo cơ bản của tế bào	
Số câu 4 Số điểm 2,5	1 0,5		1 0,5		1 0,5			1 1
Tổng câu 16 Tổng điểm 10	4 2		5 2,5		4 2			3 3,5

TRƯỜNG THCS NHUẾ DƯƠNG

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Năm học: 2019-2020
Môn: Khoa học tự nhiên 6.
Thời gian: 90 phút *(Không kể thời gian giao đề).*
(Đề gồm 02 trang)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (6,5 điểm)

Hãy chọn và ghi lại 1 chữ cái A, B, C, D đứng trước phương án đúng vào bài làm.

Câu 1: Nam thấy nhà ông nội có một chiếc mâm đồng, Nam chợt nhớ mình đã được học về các loại nguyên tử hoá học. Vậy kí hiệu hoá học của Đồng là gì?

A. Cu. B.C. C. Ca. D. Cr.

Câu 2: Cho CTHH của một số chất O_3, $BaCl_2$, S, Fe_2O_3, Fe, N_2, $CaCO_3$ trong đó có

A. 3 đơn chất, 4 hợp chất. B. 2 đơn chất, 5 hợp chất.
C. 4 đơn chất, 3 hợp chất. D. 1 đơn chất, 6 hợp chất.

Câu 3: Khí cacbon đioxit có công thức phân tử là

A. CO_2. B. O_2. C. CO_3. D. H_2O.

Câu 4: Quy trình nghiên cứu khoa học gồm

A. 4 bước. B. 5 bước. C. 6 bước. D. 7 bước.

Câu 5:

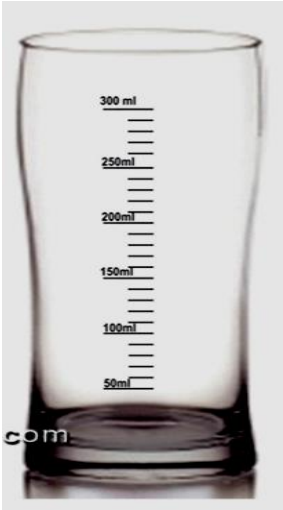

Độ chia nhỏ nhất và giới hạn đo của chiếc cốc lần lượt là
A. 10ml, 300ml
B. 300ml, 10ml
C. 50ml, 300ml
D. 300ml, 1ml

Câu 6: Khi đo thể tích của các lượng nước khác nhau bằng bình chia độ người ta thu được các kết quả sau: 10ml; 25ml; 40ml; 95ml. Hỏi bình chia độ trên có độ chia nhỏ nhất là bao nhiêu?

A. 25ml. B. 5ml. C. 10ml. D. 40ml.

Câu 7: Đổi 2h bằng

A. 60min. B. 120min. C. 60s. D. 120s.

Câu 8. Để tách muối ra khỏi hỗn hợp muối và cát phải thực hiện lần lượt các bước

A. đun sôi, lọc, hoà vào nước. B. lọc, hoà vào nước, đun sôi.
C. hoà vào nước, đun sôi, lọc. D. hoà vào nước, lọc, đun sôi.

Câu 9: Bộ phận nào sau chỉ có ở tế bào thực vật mà không có ở hầu hết các tế bào động vật?

A. màng nhân. B. nhân.
C. tế bào chất. D. lục lạp.

Câu 10: Trong tự nhiên nước tồn tại ở trạng thái

A. lỏng. B. rắn, lỏng. C. lỏng, khí, hơi. D. rắn, lỏng, khí.

Câu 11: Trong các đơn vị sau đâu là đơn vị đo độ dài?

A. dm^3. B. mm. C. m^2. D. min.

Câu 12: Các tế bào thuộc cùng một mô có đặc điểm nào sau?

A. Không thể trao đổi chất. B. Chức năng khác nhau.

C. Sinh ra cùng một thời gian. D. Có cấu tạo giống nhau.

Câu 13: Trong các chất sau: CaO, $FeSO_4$, CH_3COONa, H_2S chất nào chứa nhiều loại nguyên tử nhất?

A. CaO. B. $FeSO_4$. C. CH_3COONa. D. H_2S

II. TỰ LUẬN(3,5 điểm)

Câu 1. (1 điểm)

a. Nhúng chìm một vật không thấm nước nặng 150gam vào bình tràn thấy thể tích nước tràn ra là $10cm^3$. Tính khối lượng riêng của chất tạo nên vật?

b. Đổi các đại lượng sau:

2km= ? m $3m^3$= ? cm^3 500g=? kg 5400giây= ? giờ.

Câu 2. (1,5 điểm)

Hãy chỉ ra các từ, cụm từ nào chỉ vật thể, các từ, cụm từ nào chỉ chất trong những câu sau?

a. Lưỡi dao bằng sắt, cán dao bằng gỗ

b. Khoai lang chứa nhiều vitamin A, B, C, E, protein, tinh bột, các axit amin có lợi cho sức khoẻ.

c. Đường saccarozơ ($C_{12}H_{22}O_{11}$) được sản xuất từ cây mía, củ cải đường.

Câu 3. (1 điểm)

Vẽ hình và ghi chú thích các bộ phận của một tế bào thực vật và một tế bào động vật?

----------HẾT----------